TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1185/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/10/2018
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên toà: Ông Hà Văn Đoàn – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 766/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 427/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc X, sinh năm 1981

Địa chỉ: khu phố X, phường Hiệp Bình P, quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1980

Địa chỉ: khu phố X, phường Hiệp Bình P, quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/7/2018 và bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc X trình bày: Bà và ông Phạm Quốc T tự nguyện kết hôn vào năm 2001 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức. Sau khi lập gia đình ông bà sống tự lập. Theo ông cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau trong lĩnh vực kinh tế, ông Tthường xuyên có những lời lẽ nặng lời với bà, vợ chồng mâu thuẫn nên năm 2017 bà đã bỏ đi nhưng vì thương con nên bà đã trở về cho ông Tcơ hội để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên ông Tvẫn không thay đổi nên từ tháng 6/2018 đến nay bà đã bỏ về nhà cha

mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân từ thời gian đó cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có hai người con chung tên Phạm Mỹ N, sinh ngày 27/8/2000 và Phạm Ngọc Thanh T, sinh ngày 15/5/2010. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Phạm Ngọc Thanh T và yêu cầu ông Tcấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Riêng người con chung tên Phạm Mỹ N, sinh ngày 27/8/2000 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và tại các buổi hòa giải ông Phạm Quốc T trình bày: Ông xác nhận thời gian kết hôn đúng như bà Xtrình bày. Theo bà, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016 nguyên nhân là áp lực về công việc, ông thừa nhận có la mắng bà Xdẫn đến việc bà Xbỏ nhà đi đã hai lần, ông đã nhận thấy được những việc làm của mình là sai, ông cam kết sẽ sửa chữa và mong muốn đoàn tụ gia đình, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Phạm Mỹ N, sinh ngày 27/8/2000 và Phạm Ngọc Thanh T, sinh ngày 15/5/2010. Ly hôn ông đồng ý giao con chung tên Phạm Ngọc Thanh T cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, ông không đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng như yêu cầu của bà X.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc X có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án. Bị đơn ông Phạm Quốc T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữ các đương sự là "Tranh chấp ly hôn" nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Võ Thị Ngọc X có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án. Bị đơn ông Phạm Quốc T đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Bà Võ Thị Ngọc X và ông Phạm Quốc T tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01 ngày 09/01/2001 do Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Ngày 02/7/2018 bà Xnộp đơn xin ly hôn với ông Phạm Quốc T, trong quá trình hòa giải bà X kiên quyết xin ly hôn, ông Tđề nghị đoàn tụ vì ông còn thương vợ thương con.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà X, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà X cho rằng cuộc sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, những mâu thuẫn xuất phát từ việc các bên không tin tưởng nhau trong lĩnh vực kinh tế, hai bên không tôn trọng nhau, làm cho vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau, ông Tcó lời lẽ không tôn trọng bà, từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên ông bà đã ly thân, điều này được ông Tthừa nhận. Chính điều này cho thấy giữa hai bên đã có những khác nhau về mặt nhận thức, làm cho cuộc sống chung không thể tiếp tục, các mâu thuẫn không được quan tâm giải quyết chứng tỏ khả năng giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong thực tế cuộc sống vợ chồng là không có. Xét thấy ông bà đã ly thân với nhau từ tháng 6/2018 cho đến nay, mâu thuẫn giữa các bên là không thể giải quyết, sự tin tưởng lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng cũng không còn, bà Xcương quyết không đoàn tụ với ông Tvì tình cảm không còn, ông Tcho rằng còn thương bà Xnhưng lại không đến Tòa án để giải quyết việc yêu cầu ly hôn cho thấy ông thiếu thiện chí và không tôn trọng pháp luật, vì vậy căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của bà Xvề việc xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà Xvà ông Tcũng như giấy khai sinh của 02 người con được bà Xcung cấp trong hồ sơ vụ kiện, có cơ sở xác định quá trình sống chung giữa bà Xvà ông Tcó 02 người con chung tên Phạm Mỹ N, sinh ngày 27/8/2000 và Phạm Ngọc Thanh T, sinh ngày 15/5/2010, hiện nay 02 người con chung đang sống với bà X. Theo thỏa thuận của bà bà Xvà ông Tnên ghi nhận việc ông Tđồng ý giao người con chung tên Phạm Ngọc Thanh T cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Xét, cần buộc ông Tcấp dưỡng nuôi người con chung tên Phạm Ngọc Thanh T mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp, đảm bảo việc nuôi dưỡng, học tập của các con trong điều kiện hiện nay và khả năng thu nhập của ông T. Thực hiện vào ngày đầu tiên của mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 11/2018 cho đến khi người con chung đủ 18 tuổi.

Riêng người con chung tên Phạm Mỹ N, sinh ngày 27/8/2000 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Nợ chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015. Bà Xphải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Tphải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc X.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc X được ly hôn với ông Phạm Quốc T.

Về con chung: Bà Võ Thị Ngọc X trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Phạm Ngọc Thanh T, sinh ngày 15/5/2010. Ông Phạm Quốc T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Thực hiện vào ngày đầu tiên của mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 11/2018 cho đến khi người con chung đủ 18 tuổi.

Riêng người con chung tên Phạm Mỹ N, sinh ngày 27/8/2000 đã trưởng thành.

Kể từ khi bà Võ Thị Ngọc X có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng, nếu ông Phạm Quốc T chưa thi hành, thì hàng tháng ông Phạm Quốc T còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Nợ chung: Không có.

2-/ Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (hai trăm ngàn) đồng bà Xđã nộp theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số 0022174 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Bà Xđã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Phạm Quốc T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm ngàn đồng), ông Tchưa nộp án phí.

3-/ Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai các đương có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án NDTP.HCM;
- VKS NDQ.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đ/sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Nguyệt

.